

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2022/DS-PT

Ngày: 12-9-2022.

V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Bà Đặng Thị Đồng;
2. Ông Phạm Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022, của Tòa án nhân thị xã H, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 208/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M;

Địa chỉ: Số 49 đường Phạm Văn Đ, khu phố 1, Phường H5, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Thanh L - Chức vụ: Giám đốc; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông L: Ông Nguyễn Văn Tông - Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thanh Hùng, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Ban quản lý Dự án đầu tư và Xây dựng công trình huyện H2, tỉnh Tây Ninh (nay là Ban quản lý Dự án đầu tư Xây dựng thị xã H);

Địa chỉ: Số 4 đường Phạm Văn Đ, khu phố 4, Phường H5, thị xã H, tỉnh Tây Ninh;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu P - Chức vụ: Trưởng ban;

vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp:* Ông Lâm Minh B - Chức vụ: Phó Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư Xây dựng thị xã H (theo Giấy ủy quyền số: 3/GUQ-BQL ngày 04-6-2019); có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh;

Địa chỉ: Số 04 đường Phạm Văn Đ, khu phố 4, Phường H5, thị xã H, tỉnh Tây Ninh;

+ *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trương Văn H1 - Chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

+ *Người đại diện hợp pháp:* Ông Phạm Xuân T - Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã H - Chánh thanh tra thị xã H (theo Giấy ủy quyền số: 76/GUQ-UBND ngày 29-7-2019); có mặt.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1.

Địa chỉ: Số 9, hẻm 5, khu phố 1, phường 1, thành phố T2, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C - Chức vụ: Giám đốc; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. *Người làm chứng:* Ông Cao Sơn N, sinh năm 1966; cư trú tại: Số 02 đường Đ1, khu phố 5, phường 3, thành phố T2, tỉnh Tây Ninh (nguyên Trưởng Ban quản lý Dự án đầu tư và Xây dựng công trình huyện H2, tỉnh Tây Ninh); có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Võ Thanh L là nguyên đơn; Ban quản lý Dự án đầu tư và Xây dựng thị xã H, là bị đơn; Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 02 năm 2015 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M, Ông Võ Thanh L trình bày: Ngày 29-12-2006, Ban quản lý Dự án đầu tư và Xây dựng công trình huyện H2, tỉnh Tây Ninh (viết BQL Dự án) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M (viết Cty M) ký Hợp đồng số: 28/HĐXD-BQL về thi công gói thầu 1: Phần đường, vỉa hè, phần cống, cọc tiêu, biển báo. Dự án: Nâng cấp đường 797, đoạn từ cua Đại Trí đến Báo Quốc Tử và đoạn Phước Đức Cù, huyện H2 (nay là thị xã H) tỉnh Tây Ninh; khởi công ngày 29-12-2006, hoàn thành ngày 17-12-2007, giá trị gói thầu khoán gọn 10.099.746.253 đồng. Nhưng do chủ đầu tư chưa giải tỏa xong mặt bằng, nên không thể triển khai đặt cống dọc, hố ga; đồng thời năm 2007, giá nguyên, nhiên vật liệu tăng cao, ngày 17-12-2007 Cty M có văn bản gửi BQL Dự án dừng thi công để chờ giải tỏa mặt bằng và chờ nhà nước có chủ trương điều chỉnh tăng giá; ngày 12-3-2008, Cty M có văn bản đề nghị tiếp tục thi công gửi BQL Dự án. Ngày 30-12-2008, hai bên ký Phụ

lục Hợp đồng số: 101/PLHĐKT-BQL thống nhất điều chỉnh hình thức hợp đồng từ trọn gói sang đơn giá điều chỉnh, gia hạn thời gian thi công đến ngày 30-5-2009. Cty M đã thi công hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 30-5-2009 và nghiệm thu bảo hành ngày 17-11-2012.

Sau khi công trình hoàn thành, ngày 16-9-2010 Cty M lập báo cáo quyết toán, bao gồm: Giá trị khối lượng quyết toán theo hợp đồng 8.938.798.172 đồng; giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng 523.719.126 đồng; giá trị quyết toán theo dự toán bổ sung (bù giá) 3.236.878.040 đồng, tổng cộng số tiền 12.699.395.338 đồng và được BQL Dự án thanh toán cho Cty M 02 lần số tiền tổng cộng 9.407.857.219 đồng, BQL Dự án chưa quyết toán số tiền còn lại 3.291.538.119 đồng. Cty M lập hồ sơ quyết toán và hồ sơ bù giá theo đúng quy định, nhưng BQL Dự án không xem xét hồ sơ bù giá theo phụ lục hợp đồng đã ký.

Ông L đại diện cho Cty M rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền phát sinh ngoài hợp đồng số tiền 54.660.079 đồng; chỉ yêu cầu BQL Dự án thanh toán cho Cty M số tiền dự toán bổ sung (bù giá) theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố H3 (AISC) 3.067.151.185 đồng (chênh lệch thiếu 169.726.855 đồng so với dự toán của công ty M) và tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc từ ngày 30-5-2009 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Bị đơn - BQL Dự án, người đại diện hợp pháp Ông Lâm Minh B trình bày: Ngày 29-12-2006, BQL Dự án được Ủy ban nhân dân huyện H2 (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh là chủ đầu tư ủy quyền đại diện chủ đầu tư để ký Hợp đồng số: 28/HĐXD-BQL thi công gói thầu nâng cấp đường 797, đoạn từ cua Đại Trĩ đến Báo Quốc Tử và đoạn Phước Đức Cù, huyện H2 (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh, để thi công phần đường, vỉa hè, phần cống, cọc tiêu, biển báo như Ông L trình bày, tiền đầu tư công trình là của ngân sách UBND tỉnh Tây Ninh. Sau khi công trình hoàn thành, phía BQL Dự án đã quyết toán cho công ty M các khoản sau: Giá trị khối lượng quyết toán theo hợp đồng và phát sinh ngoài hợp đồng: 8.972.223.000 đồng + 435.634.219 đồng = 9.407.857.219 đồng.

BQL Dự án đã chi trả cho Cty M phần quyết toán công trình được Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh duyệt là 9.407.857.219 đồng. Đối với phần Cty M đề nghị quyết toán nhưng không được duyệt 54.660.079 đồng do sai về khối lượng thi công công trình, Ông L cũng không tranh chấp.

Đối với đề nghị quyết toán dự toán bổ sung (bù giá) của Cty M số tiền 3.236.878.040 đồng, BQL Dự án có ý kiến như sau: Tại biên bản hòa giải ngày 14-9-2015, BQL Dự án đồng ý thanh toán tiền bù giá cho Cty M một phần, nhưng Cty M không thống nhất, nên chưa tính được số tiền bù giá cụ thể, do đó BQL Dự án chưa trình hồ sơ quyết toán lên Sở Tài chính để xem xét.

BQL Dự án không đồng ý bù giá theo yêu cầu của Cty M, vì: Mặt bằng thi công do không giải phóng được một số vị trí (nhật ký chưa thể hiện cụ thể chi tiết); đơn vị giám sát không ký xác nhận một số ngày trong sổ nhật ký, do nội dung thể hiện chưa đúng tiến độ thi công; thời gian ngừng thi công khoảng 04 tháng (từ 28-11-2007 đến ngày 12-3-2008) đã thi công lắp đặt cống (còn một vài vị trí chưa lắp

đặt) và đào đường phần mở rộng đoạn của Đại Trĩ đến Báo Quốc Tử có thể thi công đắp sỏi, nhưng không triển khai thực hiện, đơn vị thi công kéo dài thời gian để chờ bù giá; khối lượng và tiến độ thi công không hợp lý, ban đầu thi công cầm chừng, tập trung vào thời gian cuối theo hợp đồng; chủ đầu tư không yêu cầu đơn vị thi công chỉnh sửa sổ nhật ký; chủ đầu tư có văn bản đôn đốc, nhắc nhở đơn vị thi công hoàn chỉnh hồ sơ liên quan đến bù giá, nhưng Cty M không cung cấp hồ sơ hoàn chỉnh, kéo dài thời gian; BQL Dự án và UBND thị xã H không nhận được văn bản của Cty M xin ngừng thi công ngày 17-12-2007, nếu Cty M muốn ngừng thi công một thời gian thì phải được sự đồng ý của BQL Dự án và của UBND thị xã H. Do hồ sơ bù giá không đúng theo quy định, nên BQL Dự án không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Cty M về phần bù giá.

Đối với kết quả kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố H3 (AISC), BQL Dự án không đồng ý, vì trước khi thực hiện kiểm toán, hai bên phải thống nhất bản dự thảo. Trước đây BQL Dự án có thuê Công ty TNHH Kiểm toán FAC để kiểm toán công trình này, nhưng do không thống nhất với bản dự thảo của Công ty TNHH Kiểm toán FAC, nên BQL Dự án thuê Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn C1 thực hiện kiểm toán công trình. Bản dự thảo của Công ty TNHH Kiểm toán FAC chưa được chủ đầu tư thông qua, nhưng Cty M căn cứ vào kết quả đó để khởi kiện và căn cứ vào kết quả kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố H3 là không có căn cứ. Về chi phí thực hiện kiểm toán, Cty M yêu cầu thì phải chịu; về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị xã H, Ông Phạm Xuân T trình bày: UBND thị xã H là chủ đầu tư dự án nâng cấp đường 797, huyện H2 (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh, kinh phí do UBND tỉnh chi trả. UBND thị xã H ủy quyền cho BQL Dự án đại diện ký kết hợp đồng thi công công trình với Cty M, nội dung đã thể hiện trên hợp đồng. Công trình thi công đúng vào thời điểm được hưởng chính sách bù giá theo Thông tư số: 09/2008/TT-BXD ngày 17-4-2008 của Bộ Tài chính và Công văn số: 1901/UBND-KTTH ngày 12-5-2008 của UBND tỉnh do giá vật tư xây dựng tăng mạnh. Để được hưởng chính sách bù giá, đơn vị thi công phải thực hiện đúng tiến độ công trình như kế hoạch và phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ, hóa đơn hợp lệ theo hướng dẫn thì mới được hưởng, nếu không đảm bảo được các điều kiện này thì không được hưởng bù giá.

Đây là hợp đồng dân sự giữa BQL dự án và Cty M, sau khi thẩm tra phần bù giá thì hai bên phải ký kết thêm phụ lục hợp đồng về phần bù giá và có thể hiện việc phải trả tiền lãi do chậm thanh toán thì mới phát sinh hiệu lực thi hành, nhưng giữa BQL Dự án và Cty M chưa ký kết phụ lục hợp đồng về những nội dung này, do đó UBND thị xã H không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Cty M đối với BQL Dự án về việc bù giá công trình.

Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH T1, Ông Nguyễn Văn C trình bày: Giữa Công ty TNHH T1 và BQL Dự án có ký hợp đồng để giám sát thi công công trình nâng cấp đường 797, do Cty M thi công. Công ty TNHH T1, phân công

bà Mai Huỳnh Thanh N1 trực tiếp theo dõi, giám sát công trình. Trong thời gian thi công do vướng giải phóng mặt bằng nên Cty M tạm ngừng thi công một thời gian. Công trình này đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng từ năm 2009, Công ty TNHH T1 kết thúc hợp đồng với BQL Dự án.

Bà Mai Huỳnh Thanh N1 trình bày: Bà là người được Công ty TNHH T1 thuê theo dõi, giám sát quá trình thi công nâng cấp đường 797 do Cty M thực hiện. Bà luôn theo dõi tiến độ thi công hàng ngày và được ghi chép trong quyển nhật ký thi công do Cty M viết, bà ký tên xác nhận, không mở sổ riêng, quá trình thi công Cty M trực tiếp quản lý nhưng sau khi thi công xong ai lưu giữ quyển nhật ký bà không biết. Tại cuộc họp chỉ đạo của UBND huyện H2, có Sở Xây dựng, Sở Tài chính dự thống nhất chỉnh sửa nhật ký thi công cho phù hợp để công trình được quyết toán, chứ không phải chỉnh sửa nhật ký thi công để điều chỉnh giá cho Cty M, việc chỉ đạo chỉnh sửa nhật ký thi công là chỉ đạo miệng, không bằng văn bản, sau khi chỉnh sửa xong, nhân viên Cty M đưa đến cho bà ký xác nhận.

Trong thời gian thi công, Cty M tạm ngừng thi công từ ngày 28-11-2007 đến ngày 18-3-2008, nhưng không thông báo cho Công ty TNHH T1. Về khối lượng vật tư thi công công trình đúng với khối lượng hồ sơ quyết toán, nhưng về thời gian thi công theo hạng mục là không đúng, vì nhật ký thi công có lùi lại trước ngày 30-5-2009 theo đúng hợp đồng để có cơ sở pháp lý khi quyết toán. Trong quá trình Cty M thi công có vướng mặt bằng, chủ yếu vướng phần thi công vỉa hè, phần cống, trụ điện và một số hộ dân chưa di dời, bà là người cùng đi nghiệm thu công trình khi hoàn thành. Theo chủ trương bù giá là cho bù giá, nhưng Cty M phải hoàn thành đúng tiến độ và phải kèm theo bảng tiến độ thi công chi tiết, vì bảng tiến độ thi công chi tiết trong hồ sơ dự thầu không còn phù hợp nữa, nên không đủ cơ sở pháp lý quyết toán bù giá cho Cty M.

Người làm chứng, Ông Cao Sơn N trình bày như sau: Ông giữ chức vụ Trưởng ban Quản lý Dự án đầu tư và Xây dựng công trình huyện H2, tỉnh Tây Ninh từ năm 2003 đến tháng 7-2012. Ngày 29-12-2006 ông ký Hợp đồng số: 28/HĐXD-BQL và Phụ lục Hợp đồng số: 101/PLHĐKT-BQL ngày 30-12-2008 về việc thi công nâng cấp đường 797. Nguồn vốn đầu tư công trình từ ngân sách của tỉnh; UBND huyện H2 (nay là thị xã H) là chủ đầu tư công trình, ủy quyền cho BQL Dự án làm đại diện cho chủ đầu tư ký hợp đồng trên.

Đoạn đường thi công trong phạm vi quy hoạch nên chủ quan không giải phóng mặt bằng trước, nhưng khi tiến hành thi công thì người dân lấn chiếm lòng lề đường không giao mặt bằng, nên tiến độ thi công công trình bị dừng lại, chờ giải phóng mặt bằng, nên thời gian thi công bị kéo dài, đây là lỗi khách quan, không phải do lỗi chủ quan của Cty M. Do thời gian giải phóng mặt bằng kéo dài, vật tư tăng giá, mặc dù Cty M đã thi công được một phần công việc, nhưng sợ bị thua lỗ nên gửi đơn cho BQL Dự án đề nghị ngưng thi công và thanh lý hợp đồng. Nhận được đơn đề nghị của Cty M, ông báo cáo với UBND huyện, Huyện ủy H4 và UBND tỉnh và được Huyện ủy, UBND huyện H2, đại diện Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Cty M và ông tiến hành tổ chức nhiều cuộc họp bàn hướng giải quyết. Tại cuộc họp, Ông L đề nghị hủy hợp đồng, đồng ý chịu phạt, nhưng chủ đầu tư vận

động Cty M tiếp tục thực hiện hợp đồng, Ông L nêu ý kiến, nếu thực hiện hợp đồng thì nhà nước phải bù giá vật tư công trình, các ban ngành thống nhất bù giá nguyên, nhiên vật liệu cho Cty M. Việc hợp thống nhất này có lập biên bản nhưng ông không biết biên bản này hiện nay bộ phận nào đang lưu giữ. Theo ông, Cty M khởi kiện BQL Dự án yêu cầu quyết toán công trình phân bù giá là có cơ sở, việc này được các ban, ngành thống nhất tại cuộc họp.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 117/2018/DS-PT ngày 21-6-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2017/DS-ST ngày 28-12-2017 của Tòa án nhân dân huyện H2 (nay là thị xã H), theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Cty M. Buộc BQL Dự án và UBND huyện H2 trả cho Cty M tiền bù giá theo hợp đồng 3.067.151.185 đồng và tiền lãi 1.973.712.000 đồng.

Sau đó, ngày 27-02-2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H3 xét xử giám đốc thẩm, hủy bản án dân sự phúc thẩm và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân 02 cấp tỉnh Tây Ninh do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (bỏ sót người tham gia tố tụng), thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện H2, tỉnh Tây Ninh giải quyết sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý, giải quyết lại vụ án, ngày 29 tháng 4 năm 2022 Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2022/DS-ST, đã quyết định:

Áp dụng các Điều 388, 389, 402, 408, 412 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 72, 75, 76, 81 của Luật Xây dựng năm 2003; các Điều 20, 21, 22, 23, 25, 26, 27, 30 Nghị định số: 99/2007/NĐ-CP ngày 13-6-2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số: 09/2008/TT-BXD ngày 17-4-2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng; Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M đối với Ban quản lý Dự án đầu tư và Xây dựng công trình thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Buộc Ban quản lý Dự án đầu tư và Xây dựng công trình thị xã H, tỉnh Tây Ninh và Ủy ban nhân dân thị xã H trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M số tiền được bù giá theo hợp đồng là 3.067.151.185 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 09-5-2022, BQL Dự án và UBND thị xã H kháng cáo cho rằng, Bản án số: 32/2022/DS-ST ngày 29-4-2022, của Tòa án nhân dân thị xã H buộc BQL Dự án và UBND thị xã H trả cho Cty M số tiền bù giá theo hợp đồng 3.067.151.185 đồng là không khách quan, không đúng theo quy định của pháp luật, yêu cầu cấp phúc

thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã H.

- Ngày 11-5-2022, Ông Võ Thanh L kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét tính tiền lãi cho Cty M theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông L yêu cầu BQL Dự án thanh toán tiền lãi cho Cty M theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01-10-2011 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Cty M tranh luận: Trong thời gian thi công công trình theo hợp đồng số 28 giữa BQL Dự án và Cty M, do giá cả vật liệu xây dựng tăng cao nên Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 09 về việc bù giá cho các công trình đang thực hiện từ năm 2007 và UBND tỉnh có Công văn số 1901 về hướng dẫn bù giá theo Thông tư 09 cho các đơn vị thi công công trình có nguồn vốn đầu tư của nhà nước, nên hai bên thống nhất ký thêm Phụ lục hợp đồng số 101 thống nhất điều chỉnh hợp đồng số 28 ngày 29-12-2006 từ trọn gói sang đơn giá điều chỉnh và gia hạn thời gian hoàn thành đến ngày 30-5-2009, công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng đúng kế hoạch, nhưng khi Cty M lập hồ sơ quyết toán, BQL Dự án lại không trình hồ sơ quyết toán phần bù giá lên cấp có thẩm quyền xem xét, nếu cho rằng hồ sơ quyết toán Cty M lập không hợp pháp, không đúng quy định là không có cơ sở, vì đơn vị kiểm toán cũng căn cứ hồ sơ quyết toán do Cty M lập để kiểm toán và đưa ra kết quả phù hợp, do đó Cty M yêu cầu BQL Dự án và UBND thị xã H thanh toán số tiền bù giá theo kết quả kiểm toán và tiền lãi là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Cty M, buộc BQL Dự án và UBND thị xã H thanh toán tiền bù giá công trình và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 01-10-2011.

Tại phiên tòa, Ông Lâm Minh B, Ông Phạm Xuân T đại diện cho BQL Dự án và UBND thị xã H rút lại yêu cầu kháng cáo từ hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã H sang yêu cầu sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cty M. Ông B tranh luận cho rằng, quá trình thi công Cty M vi phạm về tiến độ do thi công chậm chễ, chất lượng công trình không đảm bảo, hồ sơ đề nghị quyết toán phần bù giá không phù hợp, không đảm bảo về mặt pháp lý, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cty M.

Ông T không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Ngày 29-12-2006, BQL Dự án và Cty M ký hợp đồng số 28 thi công gói thầu nâng cấp đường 797 theo hình thức trọn gói, do vướng giải phóng mặt bằng và trong thời gian này giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng tăng cao, nên ngày 30-12-2008, BQL Dự án và Cty M ký Phụ lục hợp đồng số 101 thống nhất điều chỉnh hợp đồng từ trọn gói sang đơn giá điều chỉnh theo hướng dẫn tại Thông tư 09 của Bộ Xây dựng và Công văn số 1901 của UBND tỉnh và gia hạn thời

gian hoàn thành đến ngày 30-5-2009. Cty M hoàn thành công trình đúng kế hoạch và đưa vào sử dụng đảm bảo chất lượng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của BQL Dự án và UBND thị xã H; chấp nhận kháng cáo của Ông Võ Thanh L, buộc BQL Dự án và UBND thị xã H trả cho Cty M tiền bù giá theo kết quả kiểm toán và tính tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 01-10-2011 theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Cty M, BQL Dự án và UBND thị xã H kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ngày 29-12-2006, Cty M và BQL Dự án được chủ đầu tư là UBND huyện H2 ủy quyền ký Hợp đồng số: 28/HĐXD-BQL để thi công gói thầu: Phần đường, vỉa hè, phần cống, cọc tiêu, biển báo. Dự án: Nâng cấp đường 797, đoạn từ cua Đại Trĩ đến Báo Quốc Tử và đoạn Phước Đức Cù, huyện H2; khởi công ngày 29-12-2006, hoàn thành ngày 17-12-2007, giá trị gói thầu khoán gọn 10.099.746.253 đồng.

[3] Quá trình thi công, do vướng giải phóng mặt bằng nên UBND huyện H2, BQL Dự án, đại diện Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, đơn vị tư vấn thiết kế, đơn vị giám sát và đơn vị thi công tổ chức nhiều phiên họp để tìm biện pháp xử lý. Tại phiên họp ngày 04-8-2008 (BL 119), thống nhất xác định: Khi tiến hành khởi công, do vướng mặt bằng nên đến ngày 10-4-2007 mới triển khai thực hiện, chậm 04 tháng so với tiến độ, phù hợp với nội dung biên bản họp số 12/BB-UBND ngày 15-3-2007 (BL 165) của UBND huyện H2 với các ban, ngành liên quan của huyện, BQL Dự án, đơn vị thi công, ông Trần Ngọc Dư – Phó Chủ tịch UBND huyện nêu ý kiến: Nghiêm khắc phê bình BQL Dự án và các đơn vị có liên quan, vì trong quá trình triển khai thực hiện dự án đường 797 đã gặp phải những khó khăn, vướng mắc chưa thể thống nhất giải quyết được nhưng không sớm báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của UBND huyện, đến nay khi bước vào giai đoạn thi công các đơn vị mới báo cáo...việc chậm trễ này làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án; và tại phiên họp ngày 18-10-2008 (BL 1487), cũng xác định: ...hiện nay UBND huyện H2 đã thành lập đoàn cưỡng chế nóng, để giải tỏa ngay những vị trí bị vướng mặt bằng...phù hợp lời khai của Ông Cao Sơn N, nguyên Trưởng BQL Dự án (BL 237) trình bày: Đoạn đường thi công trong phạm vi quy hoạch nên chủ quan không giải phóng mặt bằng trước, khi tiến hành thi công thì người dân trước đây lấn chiếm lòng lề đường không giao mặt bằng, nên tiến độ thi công bị dừng lại, thời gian thi công bị kéo dài.

[4] Ngày 22-12-2008, UBND huyện H2 có Tờ trình số: 130/TTr-UBND (BL 113) gửi UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cho gia hạn thời gian thi công các hạng mục công trình, với lý do:... trên tuyến vẫn còn vướng mặt bằng cục bộ trên suốt chiều dài tuyến nên tiến độ thi công rất chậm. Đến nay hàng trụ điện trung thế, vẫn

chưa đi dờ vào được do vướng mặt bằng dẫn đến chưa thi công lắp đặt hệ thống cống dọc đoạn Báo Quốc Từ đến của Đại Trí...khối lượng thực hiện công trình còn lại lớn, thời gian thi công còn dài, vật liệu xây dựng, trong đó đá (4x6) đang khan hiếm, có khả năng biến động không lường trước, UBND huyện H2 trình UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cho gia hạn thời gian thi công đến 30-5-2009 và cho chuyển đổi hình thức hợp đồng từ trọn gói sang hợp đồng điều chỉnh giá.

[5] Với những chứng cứ đã nêu, trong thời gian kể từ ngày khởi công công trình và sau đó do vướng giải phóng mặt bằng, nên Cty M tạm ngừng thi công từ ngày 28-11-2007 đến ngày 19-3-2008 và có văn bản báo cáo (BL 157, 158) với BQL Dự án, sau ngày 19-3-2008 Cty M tiếp tục thi công là có sự đồng ý của UBND huyện H2 và BQL Dự án. Do đó, việc BQL Dự án khẳng định, Cty M ngừng thi công, kéo dài thời gian để chờ chính sách bù giá của nhà nước là không có căn cứ.

[6] Năm 2007, giá vật liệu xây dựng trên thị trường biến động, ảnh hưởng đến các chi phí công trình xây dựng bằng nguồn vốn của nhà nước, để tháo gỡ khó khăn cho đơn vị thi công, ngày 17-4-2008 Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số: 09/2008/TT-BXD, hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng, có nội dung: Việc điều chỉnh giá vật liệu xây dựng được áp dụng đối với các gói thầu đã và đang triển khai thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói, ...thành giá hợp đồng theo giá điều chỉnh do giá vật liệu xây dựng biến động ngoài khả năng kiểm soát của chủ đầu tư và nhà thầu... và việc: Điều chỉnh giá vật liệu xây dựng được tính cho khối lượng thi công xây lắp từ năm 2007 chịu ảnh hưởng của biến động giá vật liệu xây dựng làm tăng (giảm) chi phí xây dựng công trình ngoài khả năng kiểm soát của chủ đầu tư và nhà thầu.

[7] Theo đó, ngày 12-5-2008 UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Công văn số: 1901/UBND-KTTH hướng dẫn thực hiện Thông tư 09 về điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Ngày 27-12-2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Công văn số: 4144/SKHĐT-XDCB gửi UBND tỉnh, nêu ý kiến: ...theo báo cáo của chủ đầu tư, do vướng giải phóng mặt bằng nên không bàn giao được mặt bằng cho đơn vị thi công, vì vậy đến tháng 04-2008 công trình chỉ thi công được 20% giá trị ...và đề nghị cho... điều chỉnh hình thức hợp đồng trọn gói sang đơn giá điều chỉnh và được áp dụng Nghị định số: 99/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, để có cơ sở thực hiện đầy đủ thủ tục hồ sơ theo Công văn số 1901 của UBND tỉnh, công văn của Sở Kế hoạch và Đầu tư được Chủ tịch UBND tỉnh thống nhất chủ trương gia hạn thời gian hoàn thành và điều chỉnh hình thức hợp đồng gói thầu đường 797 tại Công văn số 4401. Ngày 30-12-2008, BQL Dự án và Cty M căn cứ vào Thông tư 09 của Bộ Xây dựng và Công văn số 1901 của UBND tỉnh, ký **phụ lục hợp đồng số 101 (BL 108)** thống nhất điều chỉnh hợp đồng số 28 từ trọn gói sang đơn giá điều chỉnh và gia hạn thời gian đến ngày 30-5-2009, phù hợp với nội dung lời khai của Ông Cao Sơn N, nguyên Trưởng BQL Dự án (BL 237) trình bày: ...do vật tư tăng giá, trong khi Cty M đã thi công được một phần công việc, sợ bị thua lỗ nên làm đơn gửi BQL Dự án đề nghị thanh lý hợp đồng, đồng ý chịu phạt, nên chủ đầu tư cùng các sở, ngành tỉnh liên quan tổ chức cuộc họp vận động Cty M tiếp tục thực hiện hợp đồng và thống nhất bù giá nguyên, nhiên vật liệu. Việc hợp thống nhất

này có lập biên bản nhưng không biết bộ phận nào đang lưu giữ.

[8] Do đó, việc thi công gói thầu đường 797, huyện H2 được các cơ quan có thẩm quyền thống nhất điều chỉnh từ hợp đồng trọn gói sang hợp đồng đơn giá và gia hạn thời gian hoàn thành đến ngày 30-5-2009. Ngày 30-5-2009, Cty M thi công hoàn thành gói thầu đường 797 đưa vào sử dụng theo đúng kế hoạch và sau đó được các bên tiến hành nghiệm thu ngày 17-11-2012 (BL 173) xác định thời gian bảo hành từ ngày 30-5-2009 chất lượng đảm bảo kỹ thuật, khai thác sử dụng tốt, do đó người đại diện của UBND thị xã H và của BQL Dự án cho rằng Cty M thi công chậm tiến độ theo hợp đồng và không đảm bảo chất lượng là không có cơ sở. Ngày 16-9-2010, Cty M lập hồ sơ quyết toán số tiền 12.699.395.338 đồng, trong đó giá trị quyết toán theo hợp đồng 8.938.798.172 đồng; giá trị phát sinh ngoài hợp đồng 523.719.126 đồng; giá trị quyết toán theo dự toán bổ sung (bù giá) 3.236.878.040 đồng, tổng cộng số tiền BQL Dự án được thanh toán 9.407.857.219 đồng; số tiền bù giá 3.236.878.040 đồng Cty M không được thanh toán, do **BQL Dự án không trình hồ sơ quyết toán của Cty M lên Sở Tài chính tỉnh để quyết toán theo Công văn trả lời số: 2247/STC-TCĐT ngày 11-9-2017 của Sở Tài chính tỉnh cho Tòa án nhân dân huyện H2. Đây là lỗi của BQL Dự án và UBND huyện H2.**

[9] Tại Tờ trình số: 185/TTr-UBND ngày 18-11-2013 của UBND huyện H2 gửi các Sở Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải cho rằng, hóa đơn giá vật liệu xây dựng đá 4x6 đơn vị thi công lấy từ Đồng Nai vận chuyển về phục vụ công trình, trung bình cao hơn giá do liên Sở công bố là 21.000 đồng/m³. Tại Công văn số: 1358/SXD-KTVLXD ngày 09-12-2013 của Sở Xây dựng tỉnh trả lời: Giá đá xây dựng tại công bố giá liên Sở Xây dựng, Tài chính do các doanh nghiệp sản xuất đá khu vực Núi Bà cung cấp mang tính chất tham khảo để lập dự toán công trình, để phục vụ công tác thanh quyết toán công trình thì chủ đầu tư căn cứ vào các quy định đã nêu để tổ chức thực hiện... điểm b Mục 1 Công văn này quy định: Giá vật liệu xây dựng được xác định trên cơ sở giá thị trường do tổ chức có chức năng cung cấp, báo giá ...Căn cứ vào các quy định nêu trên và Công văn số: 811/SXD ngày 24-9-2008 của Sở Xây dựng, chủ đầu tư chủ động tổ chức thực hiện theo quy định, nếu như việc thay đổi nguồn cung cấp đá mặc dù có chênh lệch tăng về giá, nhưng không làm vượt tổng mức đầu tư được duyệt. Theo Quyết định số: 619/QĐ-SKHĐT ngày 07-8-2006 phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp đường 797 của Sở Kế hoạch và Đầu tư là 17.809.037.000 đồng, trong đó giá trị xây lắp 13.500.799.000 đồng; tại Quyết định số: 345/QĐ-UBND ngày 16-11-2006 của UBND huyện H2 phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình đường 797 là 15.843.880.000 đồng. Như vậy, việc Cty M cung cấp hóa đơn mua đá 4x6 phục vụ xây dựng công trình có cao hơn giá liên Sở công bố, nhưng phù hợp giá thị trường và tổng giá trị đề nghị quyết toán công trình của Cty M 12.699.395.338 đồng cũng không vượt tổng mức đầu tư được duyệt.

[10] Về kiểm toán giá trị công trình: Do các bên không thống nhất giá trị quyết toán, năm 2010 BQL Dự án trưng cầu Công ty TNHH kiểm toán FAC để kiểm toán công trình, dự thảo kiểm toán tổng mức chi phí 13.821.209.216 đồng, nhưng không được BQL Dự án chấp nhận và sau đó các bên không yêu cầu đơn vị nào kiểm toán giá trị công trình. Ngày 15-01-2016, Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu các bên

lựa chọn tổ chức kiểm toán phân bù giá công trình nhưng các bên không thực hiện, do đó Tòa án cấp sơ thẩm trung cầu Công ty TNHH Kiểm toán Dịch vụ tin học Thành phố H3 thực hiện là đúng quy định của pháp luật. Kết quả kiểm toán độc lập về giá trị đề nghị quyết toán phân bù giá công trình đường 797 huyện H2 3.067.151.185 đồng so với dự toán bổ sung bù giá của Cty M yêu cầu 3.236.878.040 đồng, chênh lệch 169.726.855 đồng. Sau khi có kết quả kiểm toán Cty M rút lại phần yêu cầu số tiền chênh lệch và kết quả kiểm toán được Tòa án nhân dân huyện H2 gửi cho BQL Dự án.

[11] Với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cty M. Việc BQL Dự án và người đại diện của UBND thị xã H không đồng ý quyết toán phân bù giá công trình cho Cty M, do khối lượng thi công không phù hợp, tiến độ không đúng kế hoạch, chất lượng công trình không đảm bảo... là không có căn cứ. Do đó, Buộc BQL Dự án và UBND thị xã H có nghĩa vụ thanh toán cho Cty M phân bù giá công trình số tiền 3.067.151.185 đồng.

[12] Sau khi xét xử lại vụ án, Cty M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện phân giá trị khối lượng theo hợp đồng, khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng số tiền 54.660.079 đồng và số tiền bù giá 169.726.855 đồng, nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ trong phần quyết định là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[13] Xét yêu cầu tính tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ của Cty M thấy rằng, công trình đường 797 do Cty M thi công trên cơ sở Hợp đồng số 28 ngày 29-12-2006 và Phụ lục hợp đồng số 101 ngày 30-12-2008, giữa BQL Dự án và Cty M, đây là nguồn vốn của Cty M bỏ ra đầu tư xây dựng công trình, nhưng thời gian kéo dài chưa thu hồi lại được, gây thiệt hại cho đơn vị thi công. Do đó, Cty M yêu cầu BQL Dự án và UBND thị xã H trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật là có cơ sở. Tại phiên tòa Ông L rút lại thời gian yêu cầu tính lãi từ ngày 01-10-2011 đến ngày xét xử sơ thẩm 29-4-2022, tổng thời gian là 126 tháng 28 ngày, số tiền lãi được tính như sau: $3.067.151.185 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 126 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 3.231.386.906 \text{ đồng}$. Do đó, buộc BQL Dự án và UBND thị xã H trả cho Cty M số tiền được bù giá công trình là 3.067.151.185 đồng và tiền lãi 3.231.386.906 đồng. Tổng cộng số tiền 6.298.538.000 đồng (tính tròn số).

[14] Với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của BQL Dự án và UBND thị xã H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cty M; chấp nhận kháng cáo của Ông Võ Thanh L. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ông L, không chấp nhận kháng cáo của BQL Dự án và UBND thị xã H là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận; sửa bản án sơ thẩm.

[15] Về chi phí tố tụng: BQL Dự án và UBND thị xã H phải chịu chi phí kiểm toán tương ứng trên số tiền được chấp nhận 3.067.151.185 đồng. Cty M phải chịu chi phí kiểm toán tương ứng phần không được chấp nhận 169.726.855 đồng.

[16] Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 388, 389, 402, 408, 412 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 72, 75, 76, 81 của Luật Xây dựng năm 2003 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; các Điều 20, 21, 22, 23, 25, 26, 27, 30 Nghị định số: 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số: 09/2008/TT-BXD ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng; Điều 147, 148, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ban quản lý Dự án đầu tư Xây dựng thị xã H và Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh; chấp nhận kháng cáo của Ông Võ Thanh L, là người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M đối với Ban quản lý Dự án đầu tư Xây dựng thị xã H, tỉnh Tây Ninh về “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

Buộc Ban quản lý Dự án đầu tư Xây dựng thị xã H và Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M số tiền bù giá theo hợp đồng 3.067.151.185 đồng và tiền lãi 3.231.386.906 đồng. Tổng cộng số tiền 6.298.538.000 đồng (sáu tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn đồng).

3. Đình chỉ phần rút lại yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M số tiền 224.386.934 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm ba mươi bốn đồng) đối với Ban quản lý Dự án đầu tư Xây dựng thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

4. Về chi phí tố tụng:

4.1. Ban quản lý Dự án đầu tư Xây dựng thị xã H và Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh phải chịu chi phí trưng cầu kiểm toán số tiền 113.708.000 đồng (một trăm mười ba triệu, bảy trăm lẻ tám nghìn đồng). Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M đã thanh toán xong, do đó Ban quản lý Dự án đầu tư Xây dựng thị xã H và Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh phải nộp lại số tiền trên để trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M.

4.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M phải chịu 6.292.000 đồng (sáu triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng). Ghi nhận Công ty đã thanh toán xong số tiền trên trong tổng số tiền phải thanh toán cho Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố H3 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M có đơn yêu cầu thi hành án các khoản tiền trên, nếu Ban quản lý Dự án đầu tư Xây dựng thị xã H và Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh chưa thi hành xong các khoản tiền trên, thì hàng tháng Ban quản lý Dự án đầu tư Xây dựng thị xã H và Ủy ban nhân dân thị xã H còn phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Ban quản lý Dự án đầu tư Xây dựng thị xã H và Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh phải chịu 114.298.538 đồng (một trăm mười bốn triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo phúc thẩm của Ban quản lý Dự án đầu tư Xây dựng thị xã H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019286 ngày 10-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H2 (nay là thị xã H); Ban quản lý Dự án đầu tư Xây dựng thị xã H và Ủy ban nhân dân thị xã H còn phải nộp 113.998.538 đồng (một trăm mười ba triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng).

5.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Công ty M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 53.271.000 đồng (năm mươi ba triệu hai trăm bảy mươi một nghìn đồng) theo biên lai số 0001314 ngày 19-3-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H2 (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

6.1. Ban quản lý Dự án đầu tư Xây dựng thị xã H và Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh mỗi đơn vị phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm Ban quản lý Dự án đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0020742, ngày 11-5-2022; Ủy ban nhân dân thị xã H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0020743, ngày 11-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Tây Ninh; Ban quản lý Dự án và Ủy ban nhân dân thị xã H nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

6.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công nghiệp M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho Công ty M tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0020739 ngày 11-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H; 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0019299 ngày 11-01-2018 và 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019503 ngày 16-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H2 (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh. Tổng cộng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi

hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND TX Hòa Thành;
- CCTHADS TX Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Trần Quốc Vũ

